

Bản án số: 379/2023/DS-ST

Ngày: 05-9-2023

V/v Đòi lại tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Đức - *Thư ký Tòa án nhân dân quận
Gò Vấp*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thùy An - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 339/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 06 năm 2023 về: “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 439/2023/QĐXX-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Quang S, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A đường P, Phường 3, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Thành N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A đường L, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/05/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Quang S trình bày: Từ ngày

11/11/2022 ông Lê Thành N đã nhiều lần vay mượn tiền của ông S, ông N nói với ông S vay để thanh toán viện phí và sinh hoạt cá nhân, cụ thể số tiền như sau: Ngày 11/11/2022 ông N mượn ông S số tiền là 80.000.000 đồng để thực hiện phẫu thuật não, ông S đã chuyển 2 đợt cho ông N 50.000.000 đồng bằng số tài khoản 14510000039063 ngân hàng BIDV và 30.000.000 đồng bằng số tài khoản 1451000423648, ngân hàng BIDV; Ngày 14/11/2022 ông N liên hệ mượn ông S 70.000.000 đồng để thực hiện phẫu thuật não (ông N nói bệnh tái phát nặng hơn), ông S đã chuyển 2 đợt cho ông N 50.000.000 đồng bằng số tài khoản 14510000039063 ngân hàng BIDV và 20.000.000 đồng bằng số tài khoản 14510000039063 ngân hàng BIDV; Ngày 06/12/2022 ông N mượn ông S số tiền 3.000.000 đồng để mua thực phẩm trong quá trình nằm viện hồi phục sức khỏe, ông S đã chuyển cho ông N 3.000.000 đồng bằng số tài khoản 14510000039063 ngân hàng BIDV; Ngày 15/12/2022 ông N mượn ông S số tiền 5.000.000 đồng để mua thực phẩm trong quá trình nằm viện hồi phục sức khỏe, ông S đã chuyển cho ông N 5.000.000 đồng bằng số tài khoản 14510000039063 ngân hàng BIDV; Ngày 18/12/2022 ông N mượn ông S số tiền 1.000.000 đồng để mua thực phẩm trong quá trình nằm viện hồi phục sức khỏe, ông S đã chuyển cho ông N 1.000.000 đồng bằng số tài khoản 1451000423648 ngân hàng BIDV; Ngày 21/12/2022, ông N mượn ông S số tiền 5.600.000 đồng để thanh toán viện phí, ông S đã chuyển cho ông N 5.600.000 đồng bằng số tài khoản 1451000423648, ngân hàng BIDV; Ngày 27/12/2022 ông N mượn ông S số tiền 500.000 đồng để đi xe về quê xử lý việc cá nhân, ông S đã chuyển cho ông N 500.000 đồng bằng số tài khoản 14510000039063 ngân hàng BIDV. Tổng cộng, từ ngày 11/11/2022 đến ngày 27/12/2022, ông Phạm Quang S đã chuyển cho ông Lê Thành N 165.100.000 đồng tất cả được chuyển bằng 2 số tài khoản là 14510000039063 và 1451000423648 đều thuộc ngân hàng BIDV, Trong đơn khởi kiện ông S yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 11/11/2022 đến ngày 11/01/2023 là 16.575.520 đồng (tương đương 3%/ tháng). Từ ngày 10/01/2023 đến ngày 11/04/2023 ông S đã thông báo ông N cần thanh toán số tiền gốc 165.100.000 đồng và tiền lãi 16.575.520 đồng trước ngày 11/02/2023, ông N xác nhận và cam kết sẽ thanh toán vào ngày 11/02/2023. Số tiền lãi phát sinh từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/04/2023 là 22.684.732 đồng (tương đương 4%/ tháng). Ngày 17/04/2023, ông S thông báo tới ông N số tiền mà ông N cần thanh toán là số tiền gốc 165.100.000 đồng và tiền lãi 39.260.252 đồng trước ngày 30/04/2023, ông N xác nhận qua tin nhắn và cam kết sẽ thanh toán vào ngày 30/04/2023. Ngày 14/05/2023, ông S liên lạc với ông N và ông N thông báo sẽ không trả tiền cho ông S và ngắt mọi liên lạc với ông S. Ngày 15/05/2023, ông S đến địa chỉ thường trú của ông N ở Số 77/65 Lê Hoàng Phái, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, thông tin với tổ trưởng khu phố nếu gặp ông N hoặc

gia đình ông N thì thông báo và liên hệ với ông S ngay để làm rõ sự việc. Tuy nhiên ông N vẫn không liên lạc. Ngày 19/05/2022, ông S có gửi chuyển phát nhanh Viettel post đơn đề nghị thanh toán nợ, đến địa chỉ nhà của ông N, nhưng vẫn không nhận được phản hồi. Tại phiên tòa ông Phạm Quang S thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Thành N phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của ông S là số tiền gốc 165.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu trả một lần, hạn cuối trả nợ là ngày 31/12/2023.

Bị đơn ông Lê Thành N trình bày trong lời khai, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa: Ông Lê Thành N và ông Phạm Quang S là bạn học chung cấp 2 với nhau. Sự việc ông nhận tiền của S là do năm 2016 khi đó ông đang học lớp 10 trường Nguyễn Thái Bình, quận Tân Bình. Ông S có nhờ ông N đi đánh một bạn nữ là bạn học cùng cấp 2 lúc đó bạn nữ đang học cấp 3 trường Nguyễn Chí Thanh, quận Tân Bình. S có hứa làm việc này S cho 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Sau đó ông N có rủ một bạn Nam nữa tên là Nguyễn ở gần nhà cũ nhà ông bên Tân Bình (hiện nay bạn Nguyễn này đã dọn nhà, bán nhà đi đâu ông không biết) cùng đi đánh bạn nữ. Sau khi thực hiện việc chém bạn nữ thì S không thực hiện lời hứa, không trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Nên thực ra ông N không đi mổ não, mà chỉ nói dối S như vậy để S chuyển tiền để trừ vào số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) S hứa cho. Sự việc S chém bạn nữ công an phường 13, quận Tân Bình có lấy lời khai đối với N. Bố mẹ N bồi thường cho bạn nữ, bồi thường bao nhiêu N không biết, hiện giờ N không biết bạn nữ và gia đình bạn đang ở đâu, nên không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án. Khi đó công an có triệu tập S hay không ông N không biết. Bố mẹ N cũng không liên lạc gì với bố mẹ của S.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp :

Về tố tụng:

Giám sát quá trình giải quyết vụ án dân sự giữa ông Phạm Quang S và ông Lê Thành N nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, như về thẩm quyền thụ lý, xác định đúng quan hệ tranh chấp, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự giải quyết vụ án từ việc ghi lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử đúng quy định, tại phiên tòa đảm bảo trình tự xét xử vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các bên khi tranh tụng, đúng pháp luật tố tụng.

Đối với người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Phạm Quang S khởi kiện ông Lê Thành N về hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên ông N không thừa nhận mình có vay tiền ông S. Tại phiên tòa ông S thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu ông N trả lại số tiền gốc 165.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Như vậy, quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Đòi lại tài sản”. Ông N cư ngụ tại số A đường L, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bản sao kê tài khoản và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện; Do là bạn quen biết với nhau từ năm học cấp 2 nên ông Phạm Quang S nhiều lần chuyển tiền cho ông Lê Thành N mượn, cụ thể Ngày 11/11/2022 ông N mượn ông S số tiền là 80.000.000 đồng; Ngày 14/11/2022 ông N mượn ông S 70.000.000 đồng; Ngày 06/12/2022 ông N mượn ông S số tiền 3.000.000 đồng; Ngày 15/12/2022 ông S chuyển ông N mượn số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 18/12/2022 ông N mượn ông S số tiền 1.000.000; Ngày 21/12/2022 ông N mượn ông S số tiền 5.600.000 đồng; tổng số tiền ông S chuyển vào tài khoản ông N cung cấp là 165.100.000 đồng; Các giao dịch đều không ghi nội dung mục đích chuyển tiền. Việc vay mượn chỉ hai bên thỏa thuận miệng với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ông N thừa nhận có nhận của ông S số tiền 165.100.000 đồng; Ông S đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông N trả tiền nhưng ông N không trả mà còn trốn tránh, cắt đứt mọi liên lạc với ông N, khiến cho ông S thấy bất an. Nay ông S làm đơn khởi kiện yêu cầu ông N trả một lần số tiền 165.100.000 đồng, hạn cuối trả nợ là ngày 31/12/2023. Ông N không thừa nhận tiền đó là tiền mình vay ông S, ông N cho rằng đó là tiền ông S trả nợ cho mình vì trước đây khi còn học lớp 10 ông S thuê đi đánh bạn. Tại phiên Tòa ông S xin thay đổi yêu cầu không yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu đòi lại số tiền gốc đã chuyển vào tài khoản cho ông N, đây là ý chí tự nguyện của ông S nên hội đồng xét

xử không xem xét giải quyết về lãi suất. Đối với ý kiến của N trình bày rằng số tiền 165.100.000 đồng là tiền ông S trả nợ do ông S thuê mình đi đánh bạn. Ông N còn trình bày thời điểm đó bố ông N là công an, bố mẹ ông đã đứng ra bồi thường cho người bị đánh, bố mẹ ông N từ đó đến nay cũng chưa bao giờ gặp ông S và bố mẹ của ông S để giải quyết về việc ông S thuê ông N đi đánh bạn. Ông N cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh ông S thuê mình đánh bạn. Hơn nữa ông S trình bày như ông N trình bày thì thời điểm năm lớp 10, ông làm gì có số tiền lớn như vậy mà đi thuê ông N đánh người và ông S cũng chưa bao giờ được cơ quan Công an nào mời để giải quyết việc đánh nhau hay thuê người đánh nhau. Còn việc ông N đánh nhau với ai bị công an lập biên bản hay như thế nào đó là việc riêng của ông N không liên quan gì đến ông S, sai lầm lớn nhất của ông S là ông đã vì tình nghĩa bạn bè mà cho ông N vay tiền để lúc này ông gặp rắc rối. Từ những phân tích nêu trên, Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của ông S đòi lại tài sản là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 8.255.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Luật án phí lệ phí 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quang S với bị đơn ông Lê Thành N.

Buộc ông Lê Thành N có trách nhiệm trả một lần cho ông Phạm Quang S số tiền cả gốc và lãi 165.100.000 đồng, hạn cuối trả nợ là ngày 31/12/2023.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông Phạm Quang S không phải chịu án phí, ông S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 5.109.006 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0011769 ngày 12/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Ông Lê Thành N phải chịu án phí 8.255.000 đồng.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSNDTP.HCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

Chu Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bình